TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/DS-ST
Ngày: 31 - 7 - 2019
"V/v tranh chấp hợp đồng dân sự, hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Thúy Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Dũng;
2. Bà Châu Thanh Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Tâm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên Tòa: Bà Trầm Ngọc Minh Thư – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 103/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2019 về "Tranh chấp về hợp đồng dân sự, hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 7 năm 2019; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lý T, sinh năm 1974, nơi cư trú: Tổ 08, ấp A, xã C, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Các bị đơn: Bà Néang N, sinh năm 1981; ông Chau Nh, sinh năm 1977, cùng nơi cư trú: Tổ 10, ấp B, xã C, huyện T, tỉnh An Giang.

3. Người phiên dịch tiếng Khmer: Ông Chau Sóc siên – Cán bộ Văn phòng trợ giúp pháp lý chi nhánh huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa bà T, bà N và ông Nh có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà T trình bày: Vào ngày 30/4/2018 Al, bà T có khui dây hụi 5.000.000đ do bà làm chủ hụi, dây hụi có 42 phần, bà N tham gia chơi 01 phần, dây hụi 20 ngày khui một lần và được tính theo ngày âm lịch thường rơi vào các ngày 30; 20; 10(Al) của tháng. Bà N chầu hụi đến lần thứ 4 thì hốt hụi với số tiền 143.340.000đ, khi hốt hụi vợ chồng bà N, ông Nh có làm biên nhận ngày

01/7/2018Al, sau khi hốt hụi thì bà N tiếp tục chầu cho bà T được 09 lần đến ngày 20/01/2019Al bà N ngưng không chầu hụi cho bà T, nên bà T phải lấy tiền của bà chầu thay (tràn hụi) cho bà N đến ngày 10/4/2019Al là 05 lần, mỗi lần chầu số tiền 5.000.000đ x 05 lần = 25.000.000đ (hiện dây hụi chưa kết thúc, kéo dài đến năm 2020 mới kết thúc). Nay bà T yêu cầu vợ chồng bà N, ông Nh cùng có nghĩa vụ trả số tiền trên và không yêu cầu tính lãi suất.

Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Danh sách hụi, biên nhận ngày 01/7/2018Al.

Bị đơn bà N trình bày: Bà N thừa nhận có tham gia dây hụi 5.000.000đ do bà T làm chủ, hụi khui vào ngày 30/4/2018 Al, hụi 20 ngày có 42 phần bà N tham gia 01 phần, hụi khui được 04 lần thì bà N hốt với 143.340.000đ sau đó đóng tiếp cho bà T được 09 lần đến ngày 20/01/2019Al thì ngưng, nên bà T tự tràn hụi cho bà 05 lần tính đến ngày 10/4/2019Al với số tiền 25.000.000đ. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà N, ông Nh trả số tiền đã tràn hụi 25.000.000đ, bà N thống nhất trả nhưng do hiện nay gặp khó khăn về kinh tế, số tiền hốt hụi được của bà T vợ chồng bà N, ông Nh đã cho bà S mượn, nên đợi khi nào S có tiền trả thì ông bà sẽ trả cho bà T.

Bị đơn ông Chau Nh trình bày: Ông đồng ý cùng bà N trả tiền hụi cho bà T số tiền 25.000.000đ, nhưng do hiện nay vợ chồng ông gặp nhiều khó khăn về kinh tế, nên đợi khi nào S có tiền trả thì ông bà sẽ trả cho bà T.

Tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp: không có.

Tại phiên tòa,

- Bà T có mặt giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không cung cấp thêm chứng cứ nào khác tại phiên tòa.

- Bị đơn, bà N, ông Nh có mặt và không cung cấp thêm chứng cứ nào khác tại phiên tòa.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; đương sự chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án: Yêu cầu của bà T về việc buộc bà N; ông Nh phải trả số tiền đã đóng hụi thay 25.000.000đ và không yêu cầu tính lãi suất, có cơ sở chấp nhận. Từ những phân tích trên, đề nghị Tòa án xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nội dung mà các bên đương sự tranh chấp liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo

hợp đồng góp hụi là loại tranh chấp được quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 do bà N, ông Nh có nơi cư trú tại: Tổ 10, ấp B, xã C, huyện T, tỉnh An Giang căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về thời hiệu khởi kiện: Bà T khai tính đến ngày 20/01/2019Al thì bà N ngưng đóng hụi cho bà T. Ngày 27/5/2019 bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà N, ông Nh trả nợ hụi là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đối với yêu cầu trả số tiền tràn hụi cho bị đơn của dây hụi 5.000.000đ x 05 lần = 25.000.000đ và không yêu cầu tính lãi suất, cho thấy giữa nguyên đơn bà T và bị đơn bà N, ông Nh thực tế đã xảy ra tranh chấp hợp đồng góp hụi, tuy các bên có cung cấp và cung cấp chưa đầy đủ giấy tờ, biên nhận về việc tham gia dây hụi và danh sách các thành viên tham gia dây hụi 5.0000.000đ do nguyên đơn làm chủ hụi, nhưng dựa vào sự thừa nhận của hai bên đã xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập quan hệ hợp đồng góp hụi. Cụ thể, bị đơn đã thừa nhận có hốt hụi với số tiền 143.340.000đ và có đóng hụi chết 09 lần cho nguyên đơn, nhưng do khó khăn về kinh tế và không thể tiếp tục đóng hụi cho nguyên đơn, nên nguyên đơn đã xuất tiền nhà đóng thay cho bị đơn từ ngày 20/01/2019 đến ngày 10/4/2019Al là 05 lần. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả số tiền 25.000.000đ phù hợp với quy định tại Điều 116; khoản 1 Điều 119; khoản 1 Điều 351; khoản 1 Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

Đối với ý kiến của bị đơn cho rằng hiện nay không có tiền trả đợi khi nào S trả tiền cho bị đơn thì bị đơn sẽ trả cho nguyên đơn, không được nguyên đơn chấp nhận nên ý kiến của bị đơn không có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét. Bị đơn bà N, ông Nh có thể khởi kiện bà S bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà N, ông Nh có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.250.000đ theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 184; khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 116, khoản 1 Điều 119, Điều 288, khoản 1 Điều 351, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý T về "Tranh chấp hợp đồng dân sự, hụi".

- Buộc bà Néang N, ông Chau Nh cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn Lý T số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bị đơn Néang N, ông Chau Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.250.000đ (Một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Nguyên đơn bà Lý T được nhận lại số tiền 625.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0011950 ngày 29 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Viện KSND huyện TT;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Thi hành án DS huyện TT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ,
- Lưu văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký tên, đóng dấu)

Sơn Thị Thúy Liễu